

KINH TẾ VĨ MÔ

Quý I - 2023

- Money Market Section -

NỘI DUNG


TÌNH HÌNH VĨ MÔ THẾ GIỚI

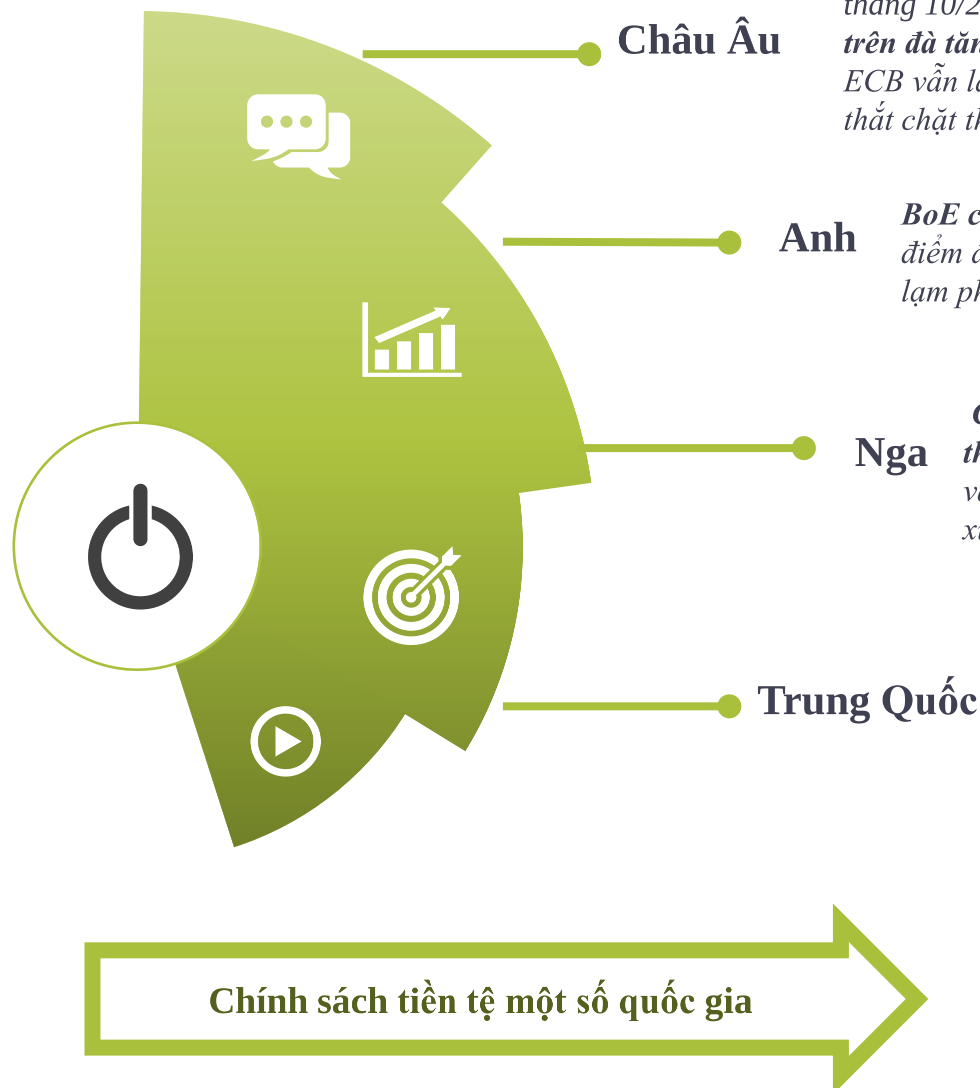

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023


THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TRÁI PHIẾU

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế Thế giới vẫn đối mặt với khó khăn?

- Xung đột Nga – Ukraina vẫn phức tạp, khó lường.
- Sự đổ vỡ, phá sản của một số ngân hàng lớn tại Mỹ, Thụy Sĩ,... => tác động tiêu cực tới hệ thống tài chính - ngân hàng, niềm tin người dân, nhà đầu tư và làm tăng rủi ro tài chính - tiền tệ quốc tế.
- Giá cả, lạm phát giảm nhiệt nhưng còn ở mức cao, lãi suất vẫn trong xu thế tăng trong nửa đầu năm và dự báo còn ở mức cao trong cả năm 2023.
- Rủi ro an ninh năng lượng và an ninh lương thực vẫn hiện hữu.



Châu Âu

ECB tiếp tục nâng lãi suất 0,5%. *Lạm phát tổng thể tại châu Âu vẫn duy trì đà đi xuống kể từ khi tạo đỉnh trong tháng 10/2022,* ***tuy nhiên lạm phát lõi tại đây vẫn đang trên đà tăng.*** *Quan điểm điều hành chính sách tiền tệ của ECB vẫn là đưa lạm phát về mức 2% và sẽ điều chỉnh mức thắt chặt theo các chỉ số kinh tế hàng tháng.*

Anh

BoE cũng tiếp tục tăng lãi suất 0,25% . *Quan điểm điều hành chính sách tiền tệ của BoE là đưa lạm phát về mức 2%.*

Nga

CBR vẫn giữ lãi suất điều hành ở mức 7,5% từ tháng 9/2022 đến nay. *Hiện tại, lạm phát tại Nga vẫn đang ở mức cao nhưng duy trì xu hướng đi xuống kể từ tháng 5/2022.*

Trung Quốc

Chính sách tiền tệ vẫn duy trì nới lỏng, đó là ban hành các gói tín dụng ưu đãi, ***giữ lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm ở mức 3,65%, cắt giảm tỷ lệ dữ trữ bắt buộc (RRR) 0,25%*** *từ ngày 27/3/2023 với tất cả các ngân hàng, ngoại trừ các ngân hàng đã thực hiện tỷ lệ dự trữ bắt buộc 5%.*

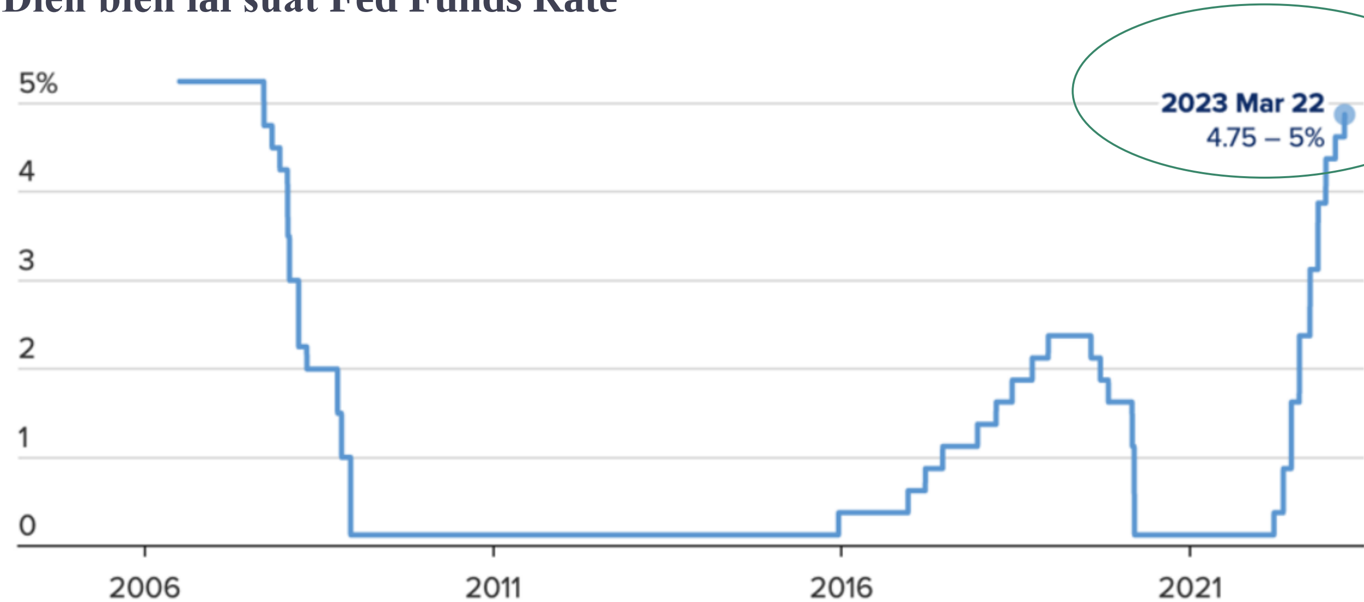
Chính sách tiền tệ một số quốc gia

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

- Mục tiêu của FED đưa lạm phát Mỹ về ngưỡng 2%.
- FED đang phải cân bằng giữa việc giải quyết vấn đề lạm phát, việc làm, với nguy cơ gây ra khủng hoảng tài chính sau vụ SVB và Signature Bank..
- Ông Powell nhấn mạnh "**giảm lãi suất là chuyện không nằm trong kịch bản chính của chúng tôi**" trong thời gian còn lại của năm 2023.
- Trong năm 2024, Fed dự báo lãi suất sẽ giảm xuống 4.3%, cao hơn dự báo 4.1% hồi tháng 12/2022

FOMC Meeting Date	Rate Change (bps)	Federal Funds Rate
22-Mar-23	+ 25	4.75% to 5.00%
1-Feb-23	+ 25	4.50% to 4.75%
14-Dec-22	+50	4.25% to 4.50%
2-Nov-22	+75	3.75% to 4.00%
21-Sep-22	+75	3.00% to 3.25%
27-Jul-22	+75	2.25% to 2.50%
16-Jun-22	+75	1.50% to 1.75%
5-May-22	+50	0.75% to 1.00%
17-Mar-22	+ 25	0.25% to 0.50%

Diễn biến lãi suất Fed Funds Rate



Sự sụp đổ của các Ngân hàng

- Giữa tháng 3, ba ngân hàng Mỹ liên tiếp sụp đổ chỉ trong vòng 1 tuần - bắt đầu là Silvergate Bank, tiếp đến là Silicon Valley Bank (SVB) và Signature Bank.
- Tiếp đó, Ngày 18/3/2023, dưới sự bảo trợ của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ (SNB), UBS thực hiện mua lại Credit Suisse với giá 3 tỷ CHF.

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

(Nguồn: Trading View)

Chỉ số DXY giảm do kỳ vọng FED sẽ có chính sách tiền tệ ôn hòa hơn

- Chỉ số DXY giảm mạnh sau sự sụp đổ của SVB do thị trường kỳ vọng FED sẽ ôn hòa hơn trong chính sách tiền tệ.
- Chỉ số DXY duy trì ở mức 102 ~ 104.
- **Đồng USD suy yếu?** Tỷ lệ giao dịch thanh toán bằng USD giảm từ 51.3% 2013 xuống 40.12% vào tháng 1.2023. CNY của Trung Quốc đã thay thế USD trở thành đồng tiền được giao dịch nhiều nhất ở Nga trong tháng 2-3 năm 2023.
- **Việt Nam có thêm dư địa để ổn định tỷ giá USD/VND.**





Giá vàng thế giới tăng vọt, vượt ngưỡng 2000 USD/ ounce.

- Cuộc khủng hoảng ngân hàng, lạm phát, biến động địa chính trị đã kích hoạt một đợt tăng giá mới của vàng. **Vàng được hưởng lợi từ sự suy yếu của đồng đô la Mỹ.**
- Các ngân hàng trung ương "ồ ạt" mua vàng để dự trữ.

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

Dự báo kinh tế thế giới năm 2023:

- **Lạm phát thế giới dự báo sẽ hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao.** World Bank dự báo lạm phát toàn thế giới sẽ hạ xuống mức 5% trong năm 2023 (từ mức 6,5% năm 2022).

- **Lãi suất sẽ bớt căng thẳng khi đà tăng lãi suất của FED sẽ chậm lại, nhưng khó có đảo chiều chính sách trong năm 2023, dự báo FED sẽ tăng lãi suất thêm 0.25% vào cuộc họp tháng 5.**

- **Áp lực lãi suất tiếp tục làm suy yếu hoạt động sản xuất.** PMI sẽ còn tiếp tục suy giảm do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt của năm 2022 và nhu cầu tiêu dùng sẽ còn sụt giảm do những lo ngại về suy thoái kinh tế. Dự báo IMF năm 2023, toàn thế giới sẽ có mức tăng trưởng 2.7%.

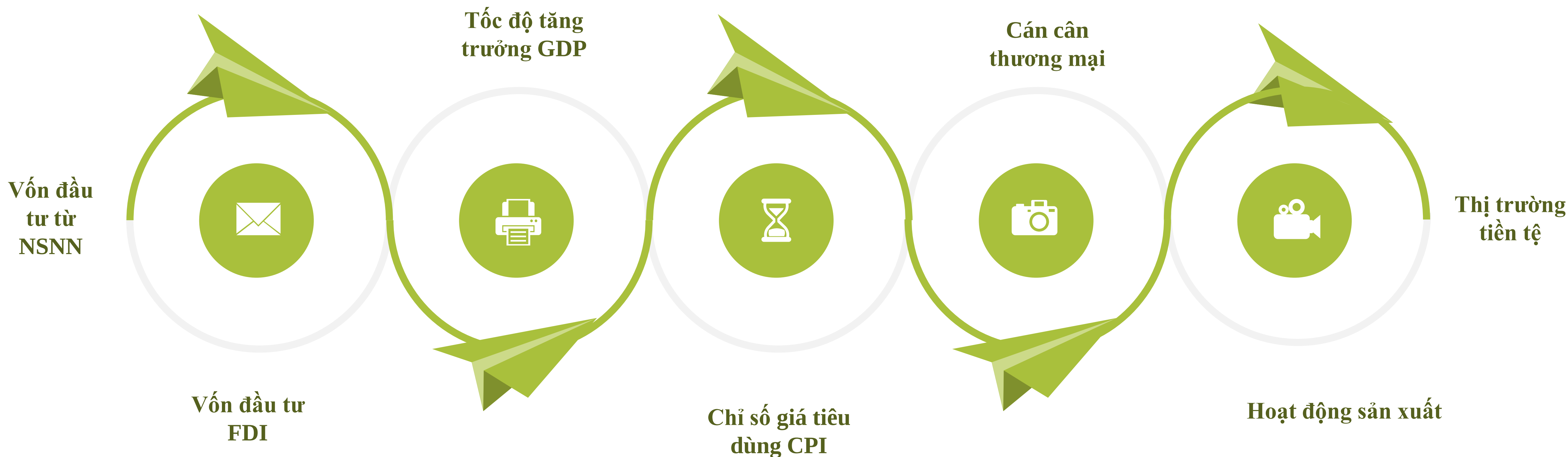
- **Lịch họp FED còn lại trong năm 2023:**

Kỳ họp FOMC	Ngày họp	Kỳ họp FOMC	Ngày họp
Tháng 5	02/05 – 03/05	Tháng 9	19/09 – 20/09
Tháng 6	13/06 – 14/06	Tháng 10 -11	31/10 – 01/11
Tháng 7	25/07 – 26/07	Tháng 12	12/12 – 13/12



- **IMF hạ cấp triển vọng tăng trưởng nền kinh tế toàn cầu** trong bối cảnh lạm phát dai dẳng, lãi suất cao và bất ổn trong lĩnh vực ngân hàng sau khi 2 ngân hàng Mỹ sụp đổ, cụ thể **xuống 2.8% từ mức 3,4% được tổ chức này đưa ra năm 2022.** Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được hỗ trợ bởi Trung Quốc bởi nước này đang mở cửa nền kinh tế.
- **Kinh tế Thế giới tăng trưởng chậm và có dấu hiệu suy thoái** => Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục chiều hướng giảm mạnh.

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I 2023

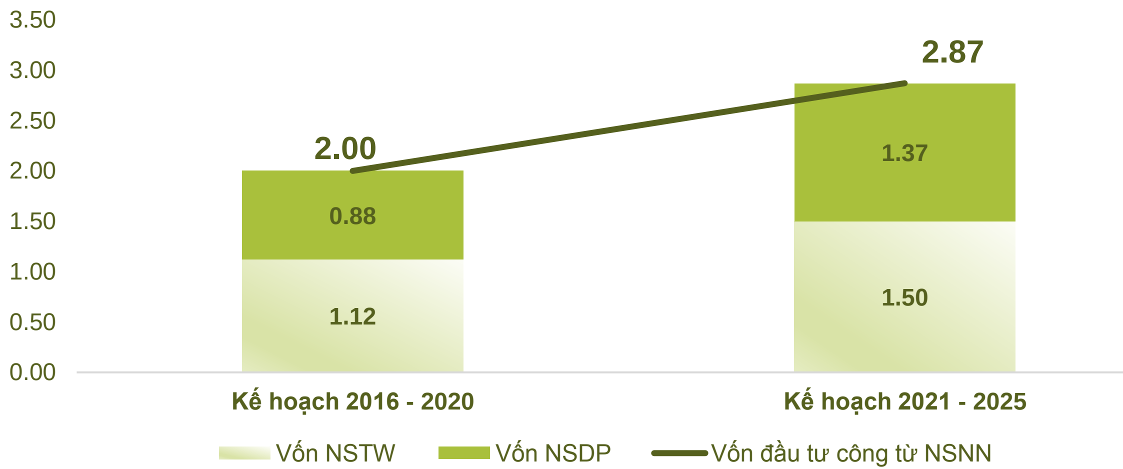


- Money Market Section -

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

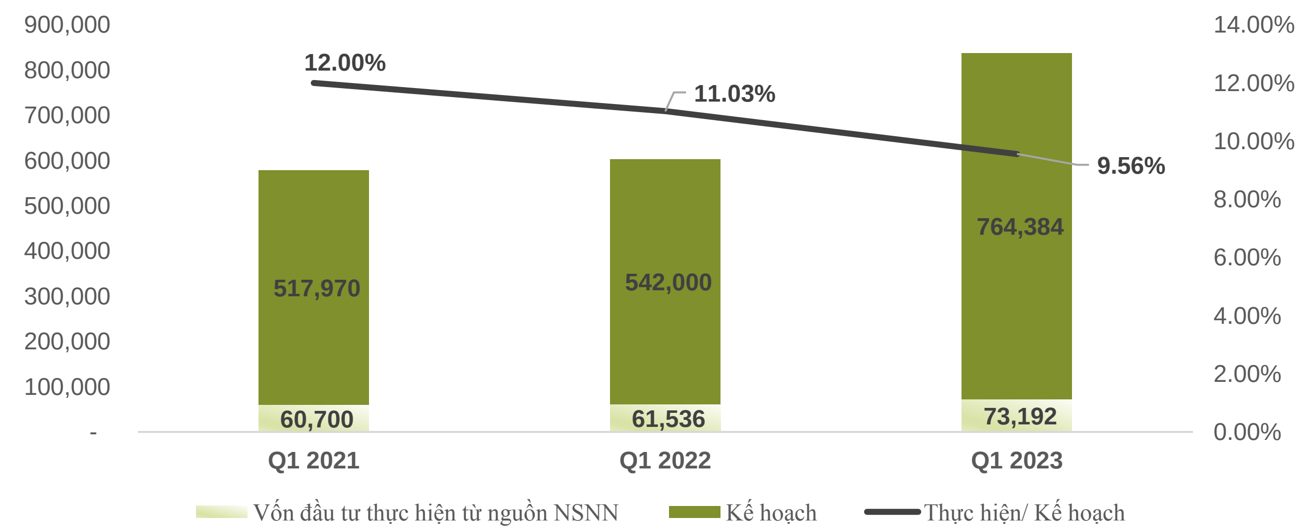
Vốn đầu tư từ NSNN

- Tổng kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2023 là trên **764,384 tỷ đồng.**
- Vốn thực hiện từ nguồn NSNN QI.2023 ước đạt **73,192 tỷ đồng**, bằng 9,69% kế hoạch năm và tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Hầu hết các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt thấp, 49/52 Bộ và 24/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 9%, trong đó có 30 Bộ chưa giải ngân kế hoạch vốn.





Tổng mức vốn NSNN kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nâng lên 2.87 triệu tỷ đồng, +44% vs. số thực hiện giai đoạn 2016-2020.



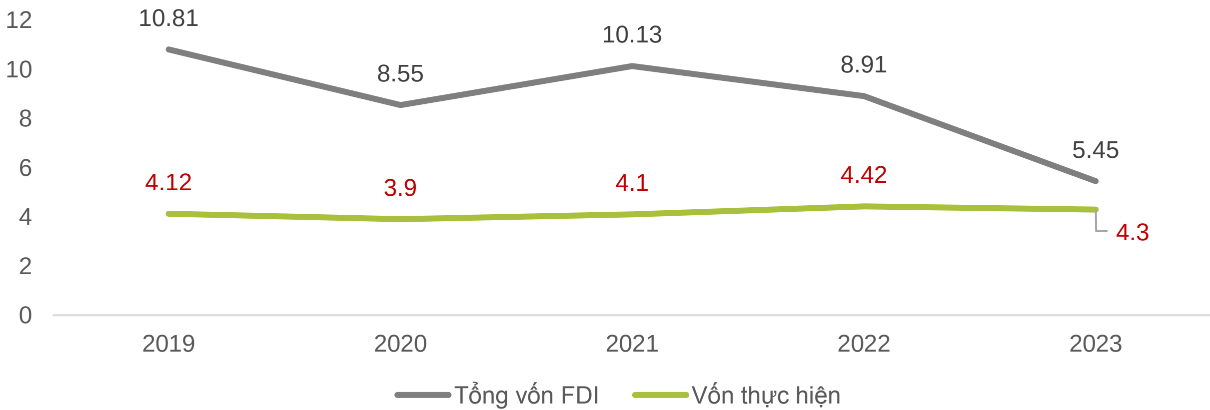
- Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là động lực quan trọng tăng trưởng kinh tế. Giải ngân vốn đầu tư công tốt thì sản xuất, kinh doanh được thúc đẩy, tạo ra việc làm, tạo động lực cho phát triển, mở ra không gian mới như khu công nghiệp, khu dịch vụ...,
- Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 6.5% trong năm 2023, giới chuyên gia cho rằng động lực đến từ đầu tư công là mạnh mẽ nhất.

- Money Market Section -

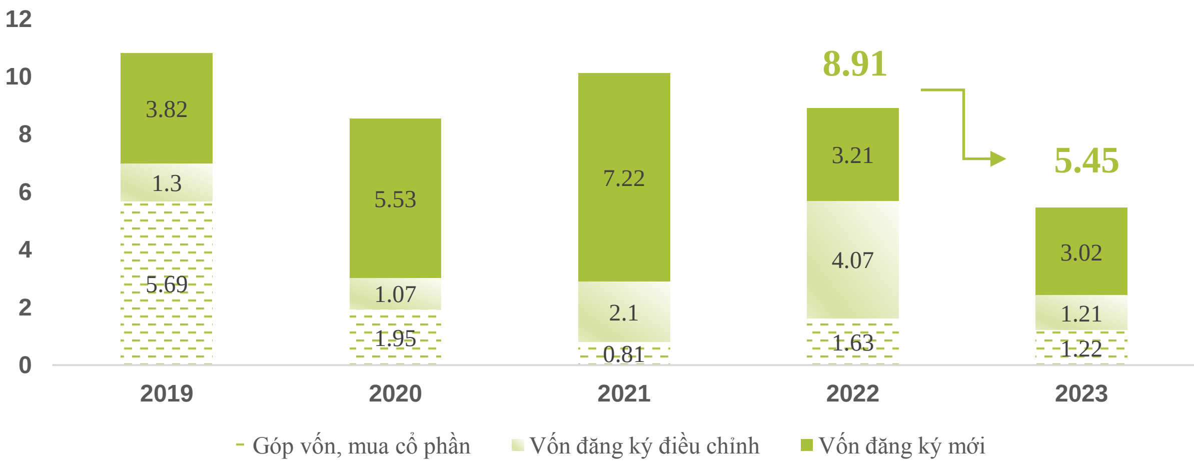
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

Vốn đầu tư nước ngoài

- Quý I.2023, Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt **5.45 tỷ USD, -38.8% yoy.** Từ đầu năm 2023 liên tục giảm, tháng 1 giảm 19.8% yoy, tháng 2 giảm 38% yoy.
- Nguyên nhân, quý I.2022 có sự gia tăng đột biến về FDI nhờ dự án LEGO với tổng vốn đăng ký 1.32 tỷ USD, chiếm 41% tổng vốn đăng ký mới QI.2022.



- Không chỉ vốn đăng ký giảm, vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài cũng giảm so với cùng kỳ, đạt 4,3 tỷ USD, giảm 2,2%



- Tập trung vào các tỉnh Bắc Giang, Đồng Nai, Bắc Ninh, TP.HCM, Hải Phòng…

Singapore	Trung Quốc	Đài Loan
		
31%	**10.1%**	**8.8%**
26.3% yoy	38.3% yoy	47.5% yoy

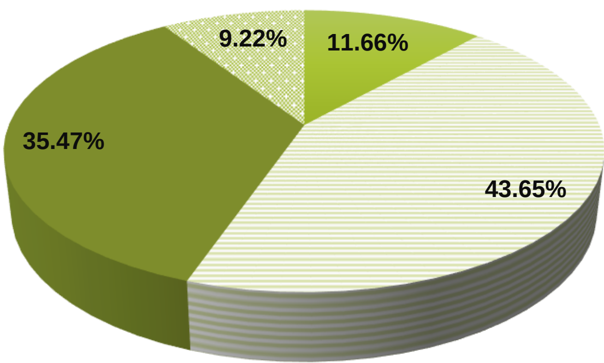
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

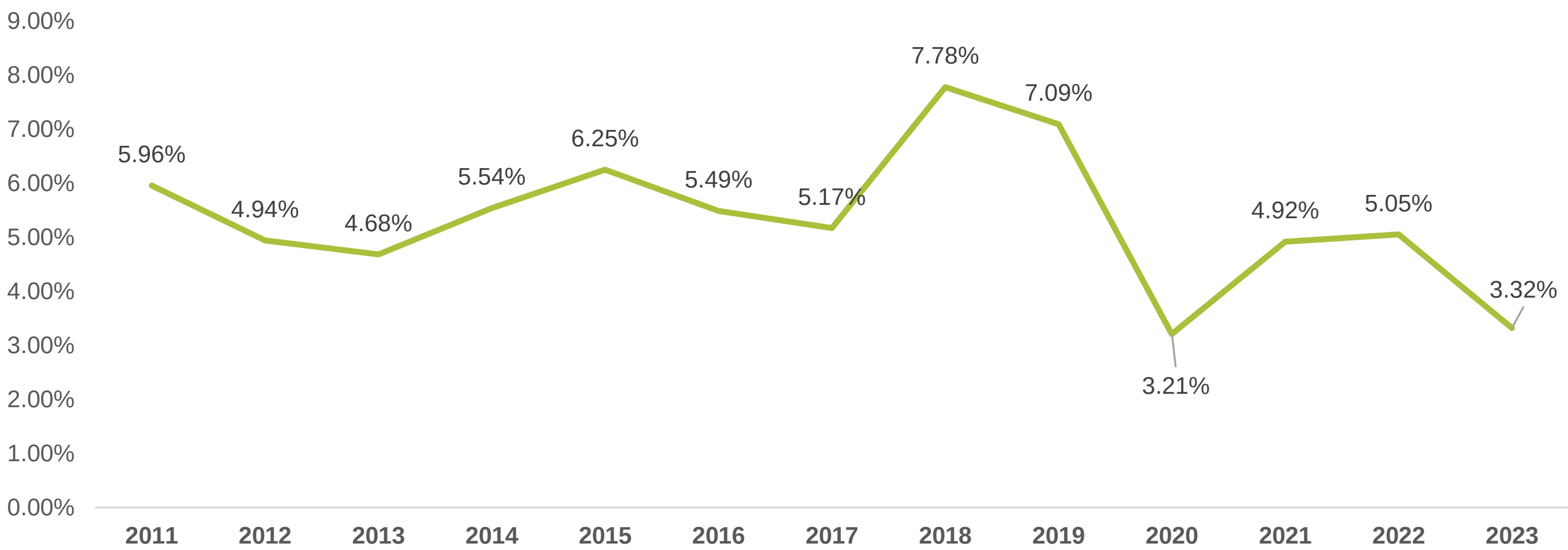
Tốc độ tăng trưởng GDP

- **GDP QI.2023 tăng 3.32% YoY**, thấp hơn mục tiêu 5.6% trong Nghi quyết 01, là mức giảm sâu thấp nhất trong giai đoạn 2011 – 2023 (chỉ cao hơn QI.2022 là 3.21% do ảnh hưởng đại dịch COVID-19). Do đó, để đạt mục tiêu Chính phủ đề ra GDP 2023 là 6.5% được đánh giá là một thử thách, mức tăng trưởng bình quân 3 quý còn lại phải là 7.5%.

- **Nguyên nhân chính**: Kinh tế Thế giới gặp nhiều khó khăn, biến động khó lường, đơn hàng giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm.

- Trong mức tăng chung, khu vực dịch vụ thể hiện rõ sự phục hồi nhờ chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, mở cửa nền kinh tế, đóng góp 43.65% cơ cấu GDP, tăng 2.07%, đóng góp 1.53 điểm phần trăm trong tốc độ tăng chung.





TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

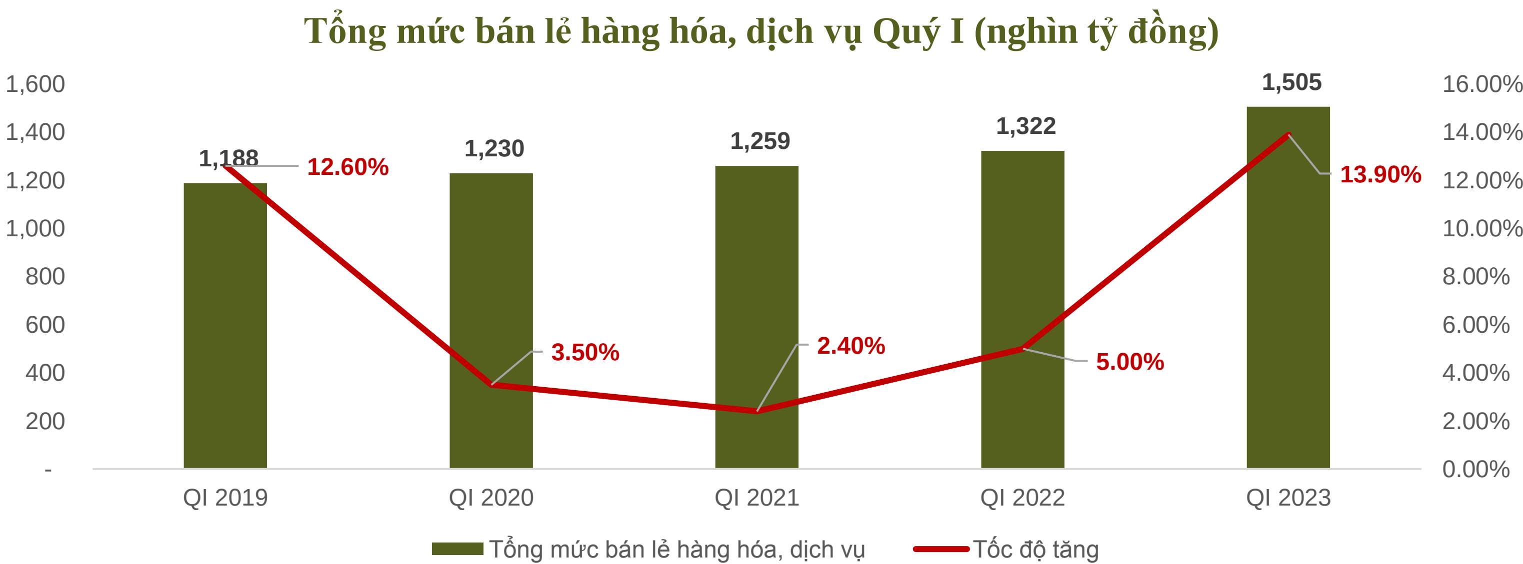
Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

- Tính chung **QI/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,9% yoy**; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 28,4% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 119,8%. Nếu so với QI.2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2023 tăng 26,7%.

- Kết quả này phản ánh hiệu quả của chính sách mở cửa từ ngày 15/3/2022 sau đại dịch Covid-19 cũng như việc thúc đẩy xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tới các nước trên thế giới và kích cầu nội địa trong thời gian qua.

(Nguồn: GSO)





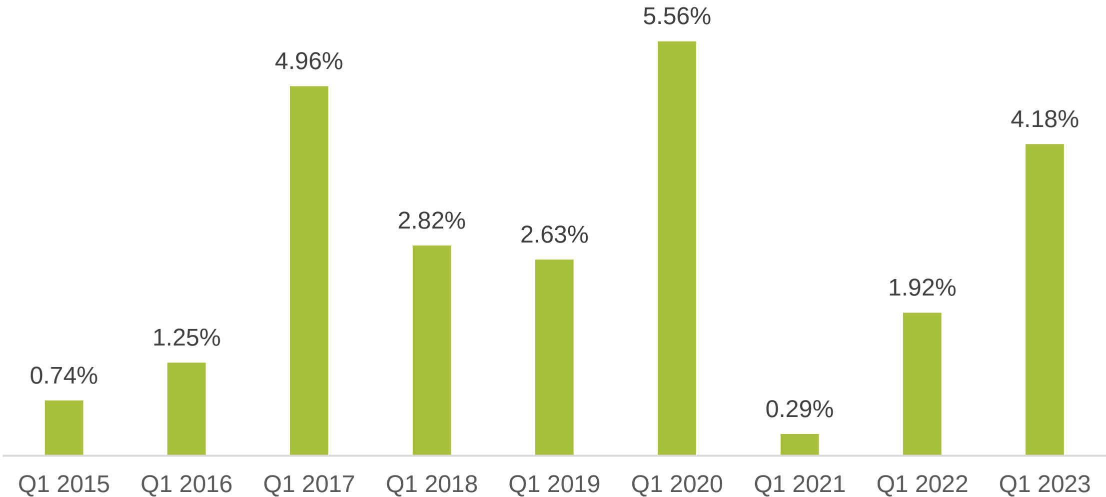
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

Chỉ số giá tiêu dùng

- **Chỉ số giá tiêu dùng CPI QI.2023 tăng 4.18%** so với cùng kỳ năm ngoái.
- **Lạm phát cơ bản quý I tăng 5.01%** cao hơn mức CPI bình quân chung. Nguyên nhân là chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước QI.2023 giảm 11,09% yoy là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.
- **Giá một số mặt hàng tăng so với cùng kỳ 2022:**



Tăng trưởng CPI Qúy I bình quân qua các năm



(*) Lạm phát cơ bản là CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

- Tuy nhiên nhìn trong bức tranh kinh tế chung của thế giới và cả nước thì đây vẫn là một "*điểm sáng*". Giá hàng hóa trên thị trường thế giới chịu tác động bởi các yếu tố kinh tế, xã hội, chính trị của các nước và xung đột quân sự Nga – Ucraina. Đồng thời nhiều quốc gia thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt khiến lạm phát thế giới có dấu hiệu hạ nhiệt tuy nhiên vẫn ở mức cao.

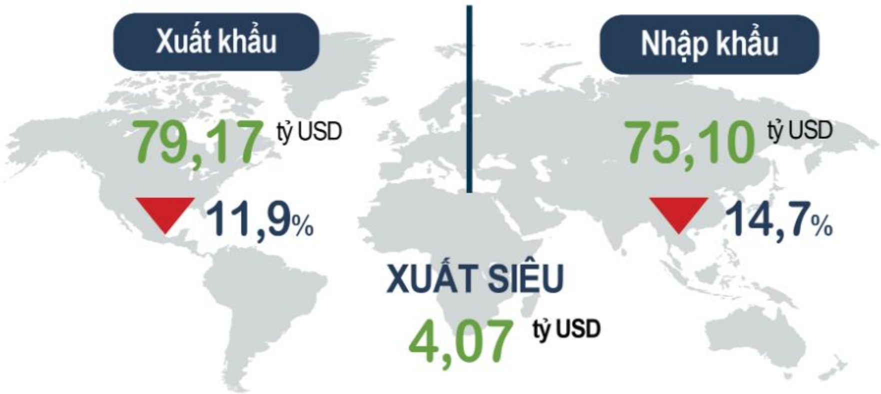
- Money Market Section -

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

Cán cân thương mại

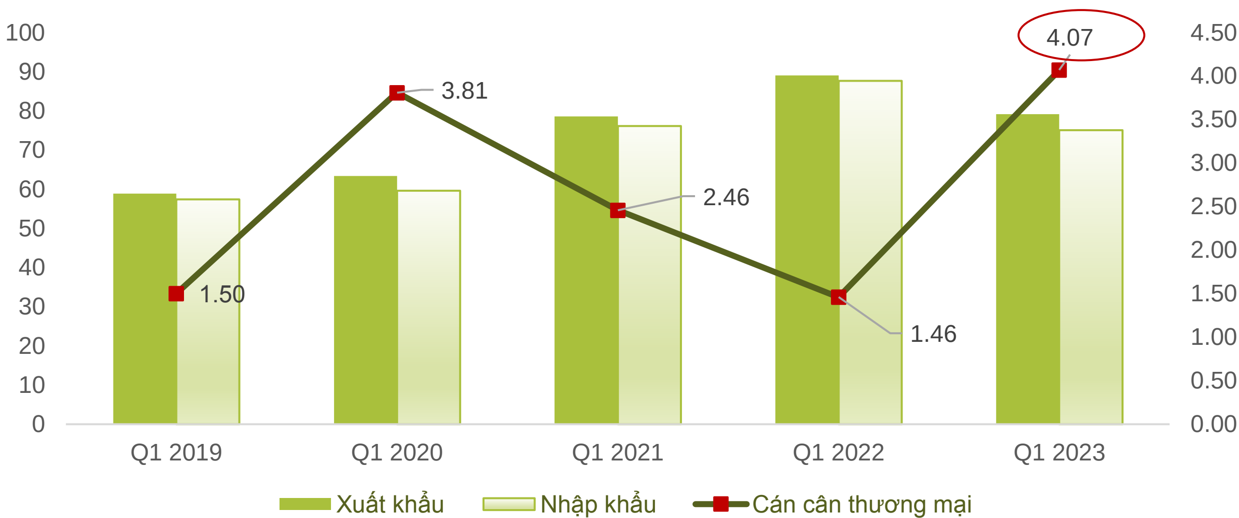
- Quý I.2023, Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu ước đạt **154.27 tỷ USD (-13.3% yoy)**. **Cán cân thương mai tiếp tục xuất siêu 4.07 tỷ USD** trong QI.2023. Do kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng đến kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.

- *Trong đó QI.2023 đạt:*



- Xuất khẩu sang Hoa Kỳ Quý I.2023 chiếm tỷ trọng cao nhất, tổng kim ngạch 20.6 tỷ USD, -21.6% yoy. Kỳ vọng những quý sau, khi FED đã bớt diều hâu hơn trong chính sách tiền tệ, xuất khẩu sang Hoa Kỳ nói riêng và các khu vực nói chung sẽ được cải thiện.

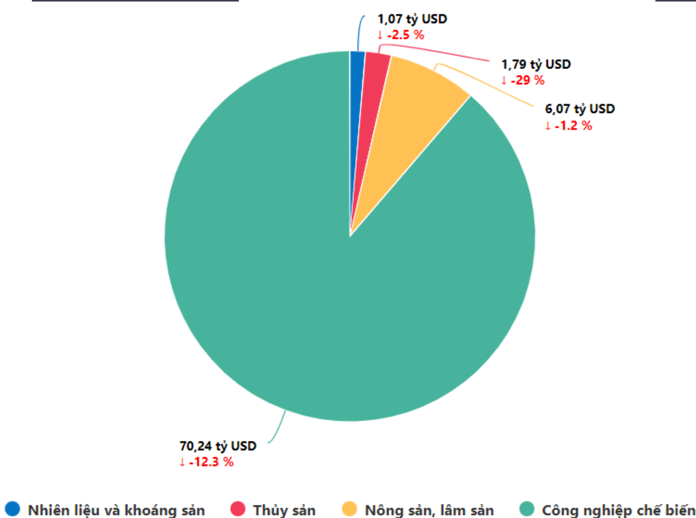
Cán cân thương mại Quý I qua các năm (tỷ USD)

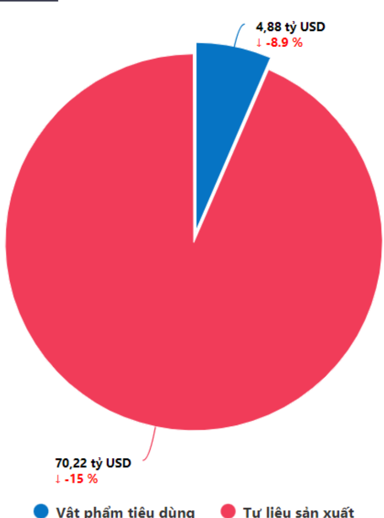


Xuất khẩu:

Nhập khẩu:

(Nguồn: VnEconomy)

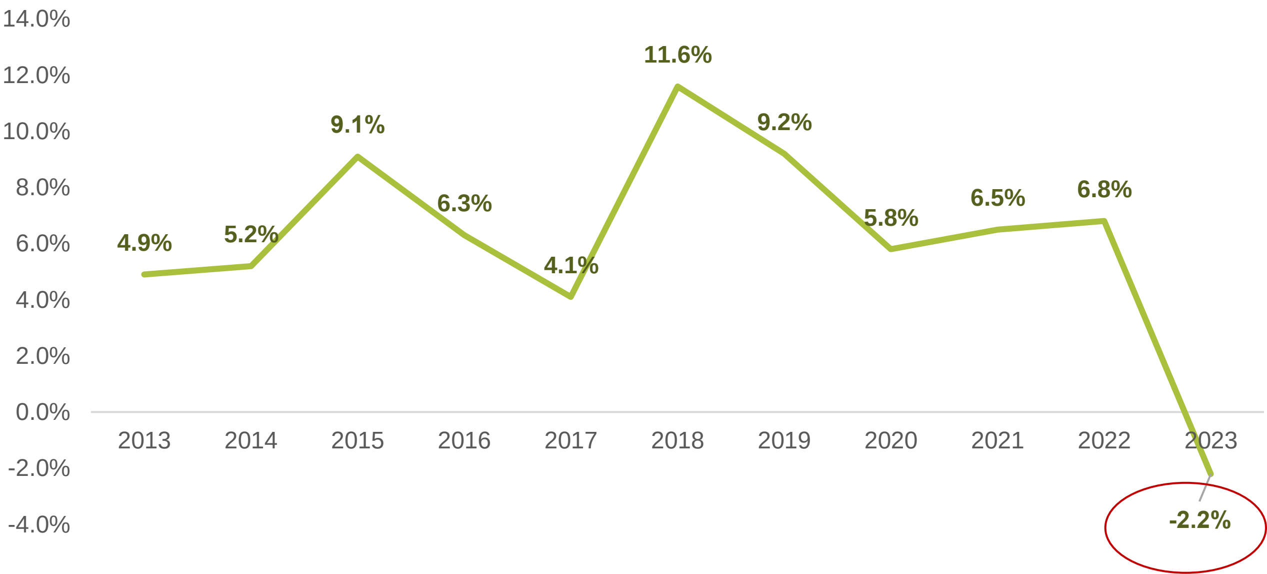


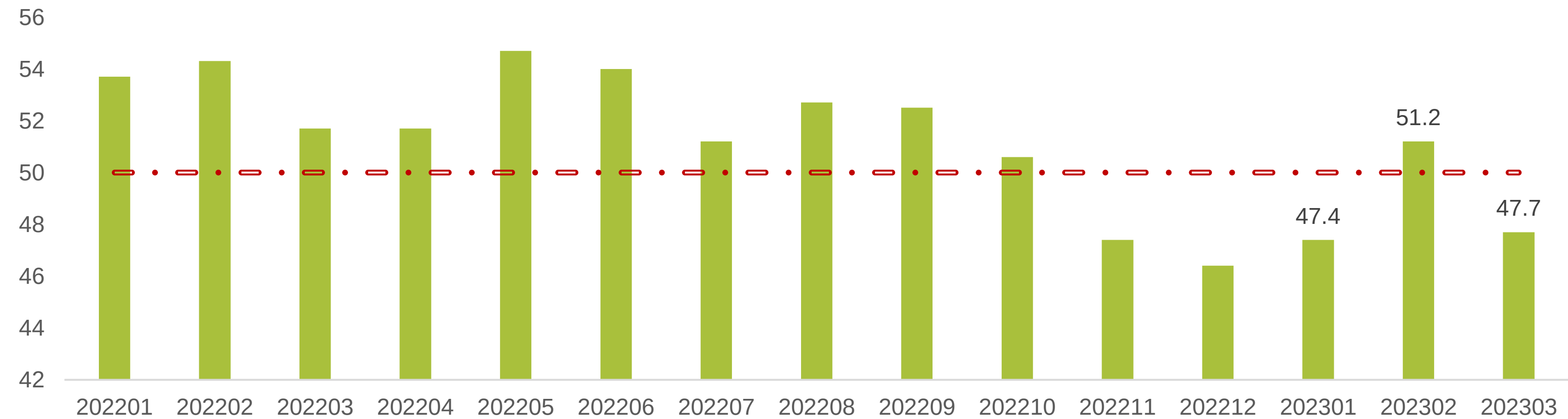


TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ I - 2023

Hoạt động sản xuất

- **Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP QI.2023 giảm 2.9% YoY,** thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,8% của cùng kỳ năm 2022.
- **Chỉ số nhà quản trị mua hàng PMI** ngành sản xuất Việt Nam giảm xuống còn 47.7 điểm trong tháng 3 và *dưới ngưỡng 50 điểm.*
- *Tình hình kinh tế thế giới biến động, chi phí đầu vào tạo sức ép lên hoạt động SXKD trong nước.*





- Các doanh nghiệp có cố gắng đa dạng hoá, mở rộng thêm thị trường xuất khẩu nhưng nhìn chung vẫn khó khăn khi kinh tế thế giới suy giảm.

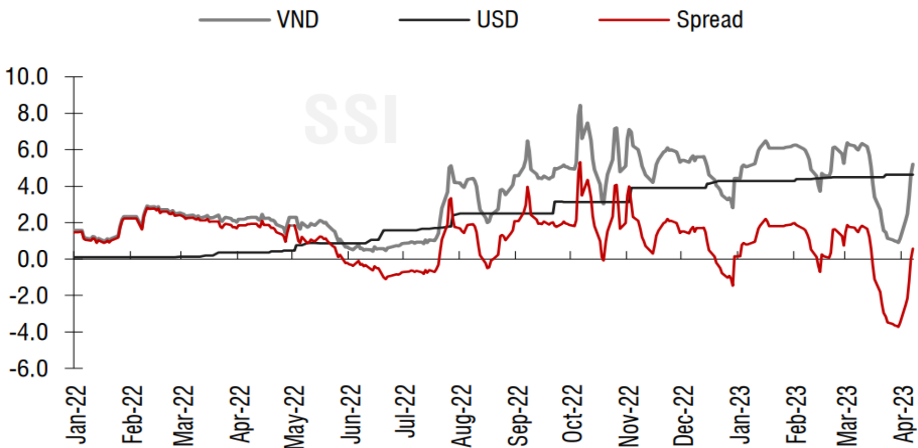
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

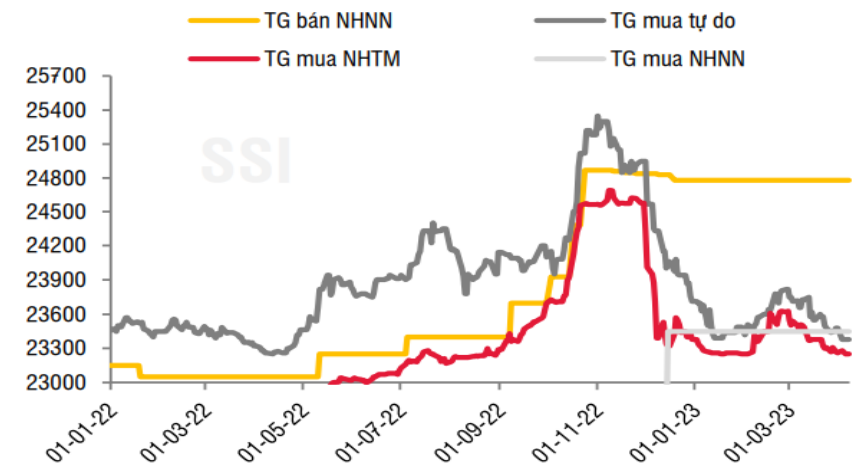
Thị trường tiền tệ

- Chỉ trong tháng 3 NHNN đã điều chỉnh giảm 2 lần lãi suất điều hành. => **giải pháp linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường hiện nay để thực hiện mục tiêu phục hồi tăng trưởng kinh tế.**

- Thanh khoản trên thị trường khá dồi dào. Bên cạnh đó, mức chênh lệch giữa lãi suất VND và USD đảo chiều sang trạng thái âm trong quý I.2023.

Lãi suất (%/năm)	22/09/2022	24/10/2022	14/3/2023	3/4/2023
Lãi suất tái cấp vốn	5.00%	6.00%	6.00%	5.50%
Lãi suất tái chiết khấu	3.50%	4.50%	3.50%	3.50%
Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD	6.00%	7.00%	6.00%	6.00%
Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.	4.50%	5.50%	5.00%	4.50%
Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này	5.50%	6.50%	6.00%	5.50%





(Nguồn: SSI)

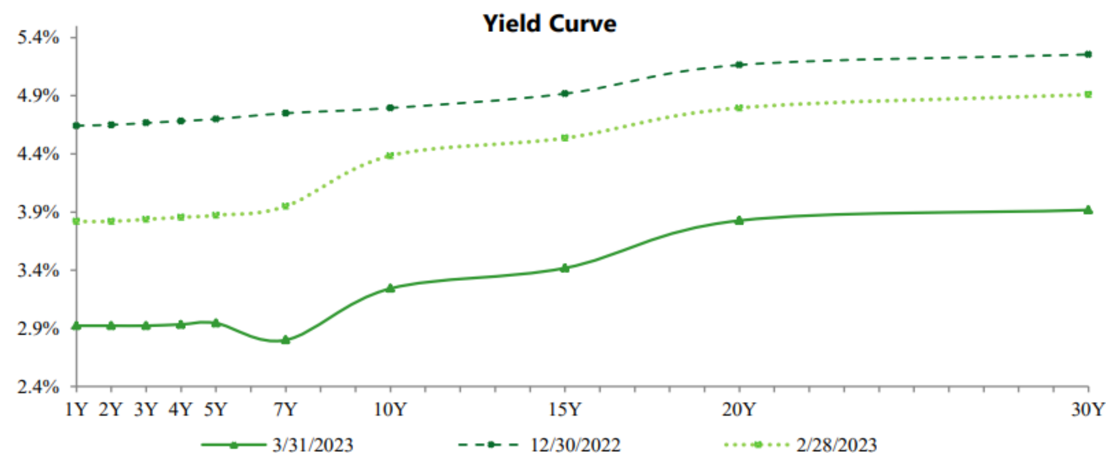
Tỷ giá USD/VND niêm yết tại các NHTM và tỷ giá tự do hạ nhiệt nguồn cung ngoại tệ khá tích cực trong thời gian qua, đến từ dòng vốn FDI giải ngân, thặng dư cán cân thương mại hay dòng tiền gián tiếp từ các thương vụ bán vốn hoặc giải ngân các khoản vay ngoại tệ.

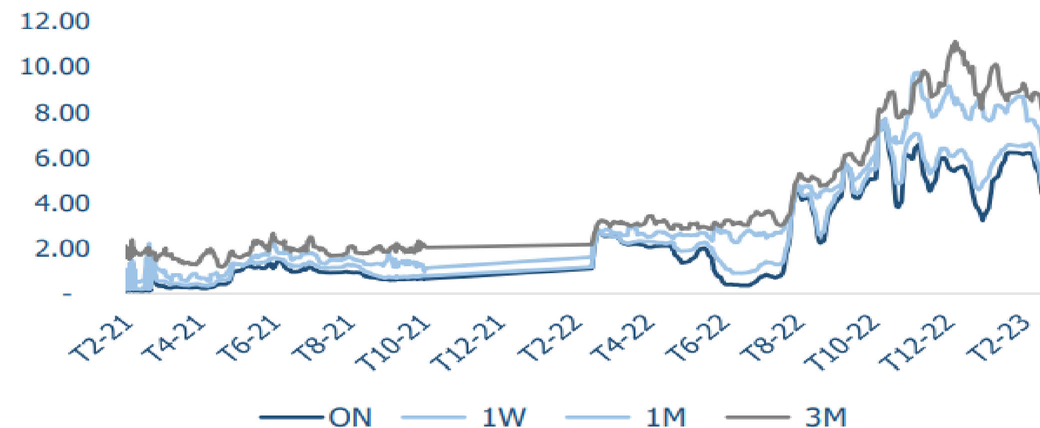
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

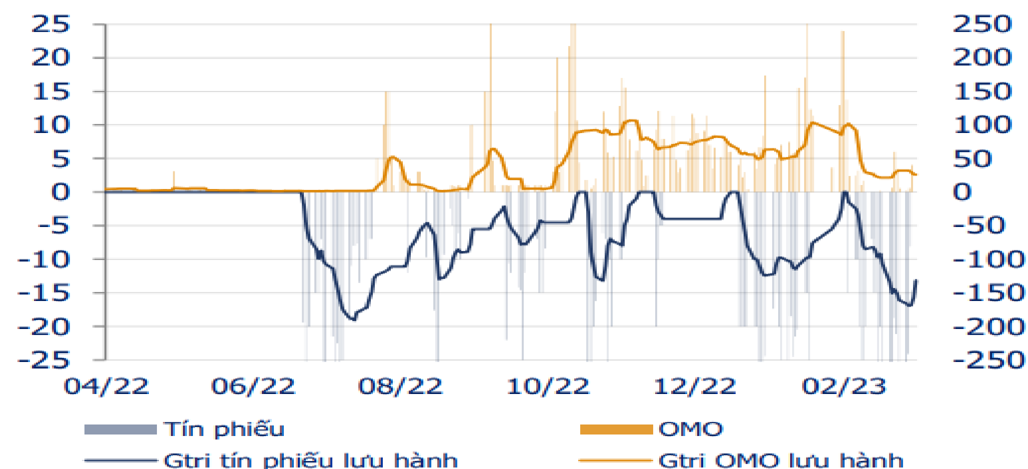
Thị trường tiền tệ

➢ **Lãi suất liên ngân hàng:** Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng trong tháng 3 cho thấy sự phân hóa rõ rệt khi **giảm vào thời điểm đầu tháng và đảo chiều tăng lại vào cuối tháng.** Thanh khoản hệ thống dồi dào khi tốc độ giải ngân tín dụng vẫn còn chậm. Ngoài ra, việc NHNN thực hiện hoạt động mua ngoại tệ cũng giúp hỗ trợ nguồn cung tiền đồng cho thị trường. **Cuối tháng 3, lãi suất VND LNH các kỳ hạn ON-3M được ghi nhận lần lượt ở 1%; 1,82%; 2,46%; 4,06% và 6,55%.**

➢ **Nghiệp vụ thị trường mở:** Trong tháng 2, NHNN mở kênh phát hành tín phiếu kỳ hạn dài 91 ngày, cùng với việc tiếp tục tăng cường phát hành tín phiếu ở kỳ hạn 7 ngày. Lãi suất phát hành tín phiếu ghi nhận nhịp giảm sâu xuống 3.79% vào thời điểm giữa tháng 2 vào cuối tháng 3. khi thanh khoản dồi dào và hồi phục về mức 5%/năm







➢ **Lợi suất TPCP:** lợi suất có thể tiếp tục tiếp tục giảm thêm khi trạng thái dư thừa thanh khoản vẫn chưa chấm dứt.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ



Qua sự kiện rút tiền hàng loạt của SCB tháng 10 năm ngoái cũng như sự sụp đổ của một số ngân hàng ở Mỹ với bài học quản trị thanh khoản, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các ngân hàng tập trung hơn vào ổn định an toàn.
.



SBV đã **mua 4 tỷ USD trong quý 1**, đồng nghĩa bơm tiền ra, giúp hệ thống hiện nay dồi dào thanh khoản. **Dự báo dự trữ ngoại hối của Việt Nam** sẽ **phục hồi lên mức 3 tháng nhập khẩu và đạt 102 tỉ USD vào cuối năm 2023**.



Trong QI.2023**, tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 2,1% yoy** (mục tiêu cả năm là **14-15%** và so với mức tăng trưởng 5% của Q1/2022). Điều này xuất phát từ tình hình khó khăn tại nhiều lĩnh vực khiến nhu cầu vốn của doanh nghiệp chững lại.



SBV điều chỉnh **giảm 2 lần lãi suất điều hành trong QI.2023** trên cơ sở Fed điều chỉnh lộ trình tăng lãi suất thấp và tỷ giá VND/USD ổn định. VND là một trong những đồng tiền ổn định nhất trong khu vực và trên thế giới.



Cắt giảm lãi suất của SBV là động thái phù hợp để thúc đẩy nền kinh tế trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng thấp, tăng trưởng GDP chậm và lạm phát trong tầm kiểm soát.

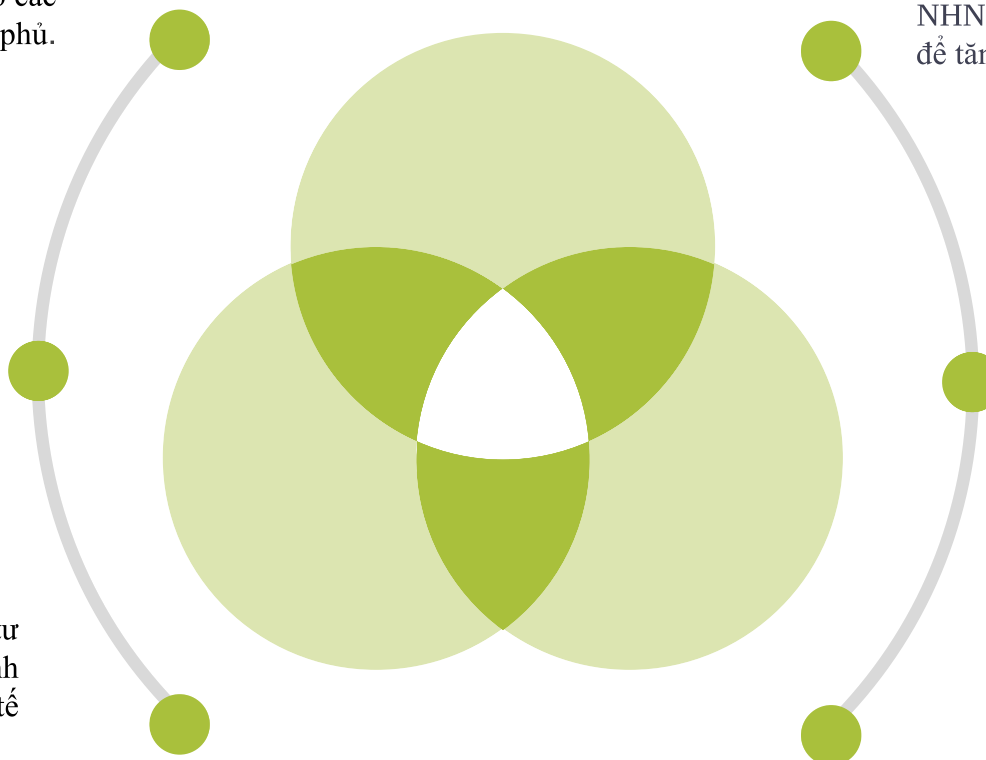
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Dự báo thị trường tiền tệ năm 2023

Thanh khoản hệ thống vẫn là chủ đề nóng hổi năm 2023**, dự báo vấn đề thanh khoản sẽ bớt căng thẳng hơn so với cuối năm 2022,** tuy nhiên hiệu quả vẫn phụ thuộc nhiều vào các chính sách và tháo gỡ khó khăn của NHNN và Chính phủ.

Định hướng tăng trưởng tín dụng của NHNN năm 2023 là 14% - 15% là một con số khó thực hiện.

Kế hoạch giải ngân khoảng 700 nghìn tỷ vốn đầu tư công (+25% yoy) cũng sẽ phần nào hỗ trợ nguồn thanh khoản trung, dài hạn cho nền kinh tế



Động thái NHNN giảm lãi suất 2 lần trong tháng 3 là tín hiệu tích cực báo hiệu việc dừng thắt chặt tiền tệ. Dự báo trong năm 2023, **dư địa giảm lãi suất vẫn còn khi mặt bằng lãi suất, tỷ giá, lạm phát đang ổn định nhưng không lớn** do FED vẫn tiếp tục lộ trình tăng lãi suất và giữ lãi suất cao đến cuối năm. Do đó, NHNN có thể sẽ sử dụng công cụ **giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc** để tăng cung tiền cho nền kinh tế.

Theo kết quả điều traxu hướng kinh doanh quý II/2023 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), **tình hình kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong quý I/2023 có sự "cải thiện" nhưng tốc độ cải thiện có chậm lại so với quý trước.**

Chính sách tiền tệ đang được kỳ vọng lãi suất giảm, qua đó khơi thông dòng chảy tín dụng cho các doanh nghiệp vốn đang chịu áp lực lãi vay.

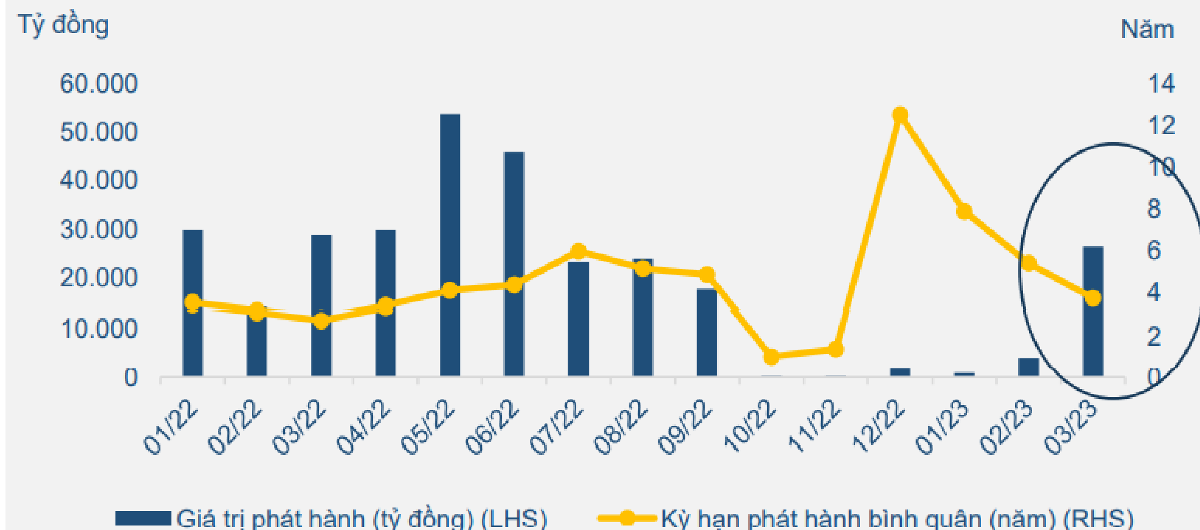
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

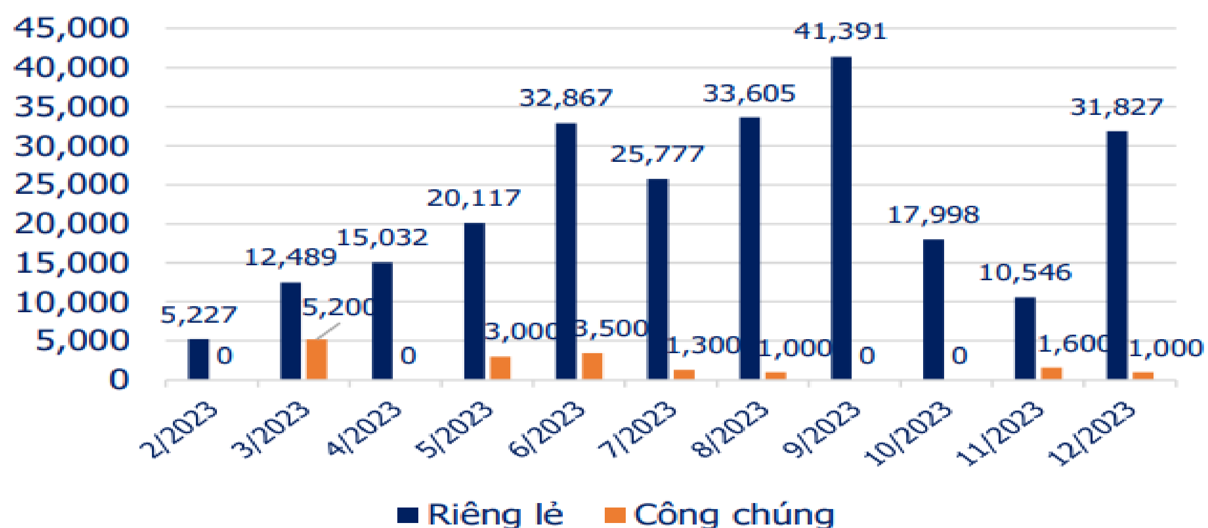
Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

- Áp lực trái phiếu đáo hạn đè nặng lên các DN khi giá trị trái phiếu đến hạn trong năm 2023 gần 340 nghìn tỷ, trong năm 2024 gần 400 nghìn tỷ với áp lực lớn nhất tại quý 2,3/2023 và quý 2, 4/2024.

- Trong Quý 1.2023 giá trị phát hành TPDN đã có tín hiệu tăng trở lại sau khi các chính sách hỗ trợ được ban hành, tuy nhiên dự kiến sẽ duy trì ở mức thấp trong năm 2023 khi khó khăn chưa được tháo gỡ và mất niềm tin của nhà đầu tư.

=> ***Lượng trái phiếu đáo hạn trong năm 2023 lớn sẽ tiếp tục tạo áp lực thanh khoản đối với các doanh nghiệp, qua đó gián tiếp tác động không tích cực đến hệ thống NHTM.***





- **QI.2023, khối lượng TPDN đã phát hành được 24.708 tỉ đồng.**
- Trong đó khối lượng phát hành kể từ ngày 6.3 khi Nghị định 08/2023/NĐ-CP có hiệu lực là 23.825 tỉ đồng, tương đương 96% khối lượng. Lãi suất, kỳ hạn phát hành bình quân tương ứng là 7,75%/năm và 2,37 năm.
- Về cơ cấu, **98,2% khối lượng phát hành thuộc lĩnh vực bất động sản,** khách hàng chủ yếu là nhà đầu tư tổ chức chiếm 99,99%, trong đó các ngân hàng chiếm 77%.

VBPL cập nhật:

- NĐ 65/2022/NĐ-CP
- NĐ 08/2023/NĐ-CP
- TT 16/2021/TT-NHNN
- Dự thảo sửa đổi TT 16

(Nguồn: VBMA)

THANK YOU